

**NGHIÊN CỨU VĂN HỌC VIỆT NAM –
NHỮNG KHẢ NĂNG VÀ THÁCH THỨC**

**LITERARY STUDY IN VIETNAM –
POSSIBILITIES AND CHALLENGES**

Chuyên khảo thuộc tủ sách Khoa học Xã hội
do Viện Harvard - Yenching tài trợ

**The Social Science Series supported by
the Harvard - Yenching Institute**

NHIỀU TÁC GIẢ

**NGHIÊN CỨU VĂN HỌC VIỆT NAM
NHỮNG KHẢ NĂNG VÀ THÁCH THỨC**

**LITERARY STUDY IN VIETNAM
POSSIBILITIES AND CHALLENGES**

Chịu trách nhiệm chung:

LÊ HỒNG LÝ

Tổ chức bản thảo và biên tập:

TRẦN HẢI YẾN

Editors:

LÊ HỒNG-LÝ

TRẦN HẢI-YẾN

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

MỤC LỤC

Lời vào sách	9
1. <i>Nghiên cứu văn học Việt Nam: đổi thay như thế nào ?</i> Trần Đình Sử	15
2. <i>Phê bình văn học: nhìn nghiêng từ phương pháp</i> Đỗ Lai Thúy	41
3. <i>Lý thuyết du hành và Orientalism ở Đông Á</i> Hoàng Lương Xá	97
4. <i>Vài khác biệt trong cách nhìn lý thuyết văn học theo “kiểu Pháp” và “kiểu Mỹ”</i> Cao Việt Dũng	141
5. <i>Phê bình cổ mẫu và cổ mẫu nước trong văn chương Việt Nam</i> Nguyễn Thị Thanh Xuân	169
6. <i>Cuộc vận động cải cách văn thể, tâm thái sĩ phu và động hình của văn chương Việt Nam cuối thế kỷ XVII, thế kỷ XVIII</i> Nguyễn Kim Sơn	203
7. <i>Diễn ngôn về tính dục trong văn xuôi hư cấu Việt Nam (từ đầu thế kỷ XX đến 1945)</i> Trần Văn Toàn	247
8. <i>Ba thập niên đầu thế kỷ XX và sự hình thành “trường văn học” ở Việt Nam</i> Phạm Xuân Thạch	301

9.	<i>Nghiên cứu xã hội học về trường hợp Trần Dần</i> Phùng Ngọc Kiên	337
10.	<i>Từ đồng dao đến thơ hiện đại: trường hợp Trần Dần</i> Trần Ngọc Hiếu	379
11.	Tóm tắt (bằng tiếng Anh)	401
12.	Index (các tác giả đã dẫn trong bài)	411
13.	Phụ chú về tác giả	421

TABLE OF CONTENTS

FOREWORDS	12
1. <i>Vietnam's Literary Study: How Has It Been Transformed ?</i> Trần Đình-Sử	15
2. <i>Vietnam's Literary Criticism – a Methodological Profile</i> Đỗ Lai-Thúy	41
3. <i>Traveling Theory and Orientalism in East Asia</i> Hoàng Lương-Xá	97
4. <i>Remarks on Differences in the Presentation of Literary Theory in America and in France</i> Cao Việt-Dũng	141
5. <i>Archetypal Criticism and the Archetype of Water in Vietnamese Literature</i> Nguyễn Thị Thanh-Xuân	169
6. <i>The Movement of Reforming Literary Forms, Literati's Mindset and Literature's Dynamic Formation in Vietnam in the Late 17th and 18th Centuries</i> Nguyễn Kim-Sơn	203
7. <i>Discourses on Sexuality in Vietnamese Fiction (From the beginning of the 20th century to 1945)</i> Trần Văn-Toàn	247

8.	<i>The First Three Decades of the 20th Century and the Formation of Literary Fields in Vietnam</i>	301
	Phạm Xuân-Thạch	
9.	<i>A Socio-Literary Study on Trần Dần</i>	337
	Phùng Ngọc-Kiên	
10.	<i>From Children's Folk Songs to Modern Poetry: the Case of Trần Dần</i>	379
	Trần Ngọc-Hiếu	
11.	English Abstracts	401
12.	Index (of cited authors)	411
13.	On Contributors	421

LỜI VÀO SÁCH

Tiếp theo chuyên khảo đầu tiên *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Tủ sách Khoa học Xã hội do Viện Harvard-Yenching tài trợ hân hạnh giới thiệu với độc giả cuốn sách thứ hai chuyên về nghiên cứu văn học: *Nghiên cứu văn học Việt Nam – những khả năng và thách thức*.

Văn chương Việt Nam có thể được coi là có chiều dài lịch sử và tạo được truyền thống riêng trong sinh quyển chung của vùng văn hóa Đông Á. Nhưng nghiên cứu văn học ở Việt Nam lại là một chuyên ngành tương đối trẻ. Dựa trên truyền thống luận bình và thưởng thức văn chương Đông Á với đặc thù Việt Nam, ngành nghiên cứu văn học tiến một bước mới, trở thành một ngành khoa học độc lập, phát triển cùng với sự du nhập của tri thức khoa học phương Tây về xã hội và nhân văn. Chưa đầy một thế kỷ phát triển, nghiên cứu văn học ở Việt Nam đã có những thành tựu đáng kể trong việc phục hiện và kiến giải những giá trị dân tộc, cũng như giới thiệu và tiếp cận văn chương thế giới. Luôn tham khảo quá khứ dân tộc trong một hình dung toàn cảnh về sự phát triển liên tục của nhân loại chính là một xu thế quan trọng của các hoạt động đó. Trong chuyển động chung theo hướng vừa chuyên sâu vừa đa dạng của nghiên cứu khoa học xã hội tại Việt Nam thời gian gần đây, giới nghiên cứu văn học cũng có những bước đi mạnh dạn hơn nhằm trang bị lại và trang bị thêm các tri thức và kỹ năng nghề nghiệp từ học giới quốc tế. Các lý thuyết và hệ thống lý thuyết văn học của phần lớn các trường phái nghiên cứu trên thế giới như Nga, Pháp, Mỹ... đã được giới thiệu và cập nhật dưới nhiều hình thức. Nhiều nghiên cứu ứng dụng cũng đã lần lượt xuất hiện. Thành công, khẳng định song hành cùng bất cập, hoài nghi; cơ hội, lựa chọn cũng đồng thời với thách thức... luôn hiện hữu trong đời sống nghiên cứu văn chương ở Việt Nam nhiều năm trở lại đây, mà điểm nóng là những va chạm giữa lý thuyết du nhập và thực thể văn chương Việt.

Xuất phát từ thực tế đó, chúng tôi tổ chức một chuyên đề gồm hai phần chính: **Phần thứ nhất** với 3 tiểu luận có mục đích: nhìn nhận lại

tiến trình các lý thuyết nước ngoài, chủ yếu là phương Tây, du nhập vào Việt Nam; giới thiệu những thông tin căn bản nhất về hai luồng lý thuyết hiện đang thu hút sự chú ý của các nhà nghiên cứu Việt Nam, là Pháp và Mỹ; và tìm hiểu việc tiếp nhận *Orientalism* của Edward Said ở Đông Á (bao gồm cả Việt Nam) như một minh họa cho “lý thuyết du hành”. **Phần thứ hai** – chiếm nhiều số trang nhất và cũng là trọng tâm của chuyên đề, gồm 6 tiểu luận - tập hợp các nghiên cứu nhằm vào đối tượng là văn chương Việt Nam (từ cổ trung đại đến hiện đại). Đây là những nghiên cứu ứng dụng trường hợp: đặt lý thuyết/phương pháp tiếp cận phương Tây vào những trường hợp cụ thể phương Đông (Việt Nam). Chuyên khảo, với chủ trương tập trung vào việc đổi mới (về góc nhìn, về cách tiếp cận) cũng dành một phần đáng kể không gian diễn đàn cho những người viết trẻ có khát vọng thể nghiệm. Ngoài ra, chuyên khảo còn có một tiểu luận mang tính tổng quan, với những trao đổi, đề xuất liên quan đến cách nhìn nhận hoặc phương thức xử lý các vấn đề đã / đang đặt ra trong chuyên khảo và rộng hơn thế.

Theo chủ trương chung của nhóm biên tập, các tiểu luận gửi đến Tủ sách, sau lần đọc tuyển sơ bộ, đều được ít nhất hai chuyên gia gắn gũi với vấn đề đặt ra thẩm định kỹ lưỡng (peer review). Các ý kiến phản biện độc lập được coi là những trao đổi, gợi ý quan trọng để tác giả chỉnh sửa bài viết tốt hơn, nhưng không có tính áp đặt. Vì vậy, các tiểu luận góp mặt ở đây vừa là những nỗ lực khoa học kiên trì của các tác giả vừa là kết quả của sự hợp tác khoa học cầu thị, nhiệt tâm và đầy trách nhiệm của các nhà nghiên cứu ở cả hai vị trí: phản biện và được phản biện.

Nhóm biên tập gồm PGS.TS. Lê Hồng Lý (Viện nghiên cứu Văn hóa, Trưởng nhóm), TS. Nguyễn Thị Phương Châm (Viện nghiên cứu Văn hóa, Thư ký), và các thành viên: TS Trần Hải Yến (Viện Văn học – Tổ chức nội dung và biên tập chính), TS. Lê Thị Liên (Viện Khảo cổ), PGS. TS. Nguyễn Kim Sơn (Khoa Văn học, Đại học Quốc gia Hà Nội), TS. Lê Ngọc Hùng (Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh) đã hợp lực trong suốt thời gian làm sách, từ lựa chọn ý tưởng, tổ chức bản thảo, tham vấn ý kiến của các chuyên gia, đến kết nối tác giả-người thẩm định-nhà xuất bản. Và như đã nói ở trên, cuốn sách được hoàn thành, bên cạnh những hỗ trợ quan trọng của Viện Harvard - Yenching, còn nhờ sự đóng góp trí tuệ thâm lặng của các nhà nghiên cứu Việt Nam với tư cách những phản biện độc lập cho các bài viết. Đây cũng là một thử nghiệm khác mà Tủ sách muốn thực hiện một cách nghiêm túc để từng bước nâng cao chất lượng các nghiên cứu khoa học, hướng đến những chuẩn mực quốc tế trong tương lai.

Các ấn phẩm của Tủ sách Khoa học Xã hội đến tay độc giả trong một hình thức khả dĩ nhất còn nhờ sự hợp tác của đội ngũ các biên tập viên kỹ thuật, thiết kế, và sự điều hành hiệu quả của lãnh đạo Nhà xuất bản Thế giới.

Nhóm biên tập xin chân thành cảm tạ sự cộng tác của tất cả các quý vị, và mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ, chia sẻ trong tương lai.

Lời cuối nhưng không kém phần quan trọng: Chúng tôi rất mong mỗi nhận được những hồi âm đa dạng và tích cực của độc giả trong và ngoài giới nghiên cứu để việc tổ chức Tủ sách ngày một chuyên nghiệp hơn, cho ra đời những đầu sách nghiên cứu ngày một chất lượng hơn.

Hà Nội, sơ hạ 2009

Thay mặt nhóm biên tập

LÊ HỒNG LÝ

FOREWORD

After the first edited volume *Changes in Religion and Belief in Contemporary Vietnam*, the Social Science Series with the support of the Harvard-Yenching Institute now proudly presents its second volume with a focus on literary studies, *Literary Study in Vietnam – Possibilities and Challenges*.

Vietnamese literature has a long history and its own tradition in the cultural environment of East Asia. However, as a discipline the study of Vietnamese literature is rather novel. Based on East Asian traditional literary appreciation and theories with Vietnamese distinctive aspects, literary studies in Vietnam took a new step, and developed into an independent discipline along with the introduction of Western scientific knowledge in social sciences and the humanities. After less than a century of its development, literary research in Vietnam has attained considerable achievements in the restoration and interpretation of national values, as well as in the introduction of and access to world literature. Incessantly reviewing national past contextualized within a panoramic picture of the continuing development of humankind is an important trend of these activities. Today, as Vietnamese social sciences increasingly undergo specialization and diversification, literary researchers are also advancing decisively to equip and re-equip themselves with latest knowledge and skills from international scholarship. Literary schools of thought from various sources (including Russia, France, and the United States) have been introduced and updated through different forms and channels. A number of applied studies has also taken place. Successes and progresses go hand in hand with shortcomings and doubts; and opportunities and choices are paired with challenges. All these features can be observed through the life of literary research in Vietnam during the past few years, with a hot spot being the clash between foreign theories and Vietnamese literary reality.

On the basis of this reality we have organized this special volume in two main parts. The first part consists of 3 essays aiming at reviewing the process of introducing foreign theories (primarily Western theories) into Vietnam; introducing two theoretical scholarships, namely French and American, with which Vietnamese literary researchers are most concerned; and examining the reception of Edward Said's *Orientalism* in East Asian countries (including Vietnam) as an example of the "traveling theory". The second and major part consists of 6 essays focusing on Vietnamese literature from past to present. These are case studies on the application of Western theory and methodology into Vietnamese literary reality. This volume, with its focus on renovation (of viewpoints and approaches), has devoted much space to young scholars who wish to try their hand at new theories and approaches. Furthermore this volume also presents an essay furnishing a general view with thoughtful comments and suggestions relating to the perceptions of and/or solutions for issues discussed in this volume and beyond.

Having been selected, all essays in this series must go through a rigorous process of peer review. Although independent feedbacks from peer reviewers are crucial for the revision procedure, they are not imposing. Therefore, the essays presented in this volume represent both the enduring scientific efforts of individual authors, and the results of enthusiastic and responsible collaboration between reviewers and reviewees.

The Series' Editorial Board consists of Associate Professor Lê Hồng Lý (PhD, Institute of Cultural Studies, Chair), Dr. Nguyễn Thị Phương Châm (Institute of Cultural Studies, Secretary), and other members: Dr. Trần Hải Yến (Institute of Literature, as an editor of the volume), Dr. Lê Thị Liên (Institute of Archaeology), Associate Professor Nguyễn Kim Sơn (PhD, Department of Literature, Hanoi National University), Dr. Lê Ngọc Hùng (Ho Chi Minh National Academy of Politics and Administration). The members of the Editorial Board worked as a team during the whole process of preparing for this volume, from discussing ideas, organizing drafts, consulting with experts, coordinating authors with reviewers, to finalizing the manuscript with the publisher. As mentioned above, this volume would not be possible without the support of the Harvard-Yenching Institute as well as the contributions of Vietnamese scholars who acted as reviewers. The volume also represents a serious experiment which we hope will contribute to the improvement of the quality of social science research in Vietnam, with the goal to raise it up to international scholarly standards in the future.

We also highly appreciate the contributions of the Directorial Board of the Thế giới Publishing House, its editors and graphic designers to the second product of our Social Science Series.

The Editorial Board would like to express their appreciation and gratitude to the supports of all people involved in the publication of this series. We hope to have your continuous supports in the future.

Last but not least: we welcome feedback from readers from within and outside scholarly circles in order to help the Series continually become better and more professional.

Hà Nội, Summer 2009

On behalf of the Editorial Board

LÊ HỒNG-LÝ

INDEX

Adorno, Theodor	101, 110, 158, 164	Beckett, Samuel	165
Aeschylus	126, 164	Bel, Daniel	24
Althusser, Louis	143, 162, 164	Bellemin-Noel, Jean	88
An Su-gil	279	Benhabib, Seyla	163
Anderer, Paul	119	Benjamin, Walter	158, 164, 368
Anh Bằng	190	Benveniste, Émile	35, 151
Appiah,		Bergson, Henri-louis	18
Kwame Anthony	154	Betteheim, Bruno	88
Aragon, Louis	353, 364	Bhabha, Homi K.	153, 161, 163, 164
Aristote	74, 145, 156, 157, 351	Bích Khê	50, 385
Arnold, Matthew	157	Bielinxki, V. G.	18, 69, 70, 72
Bà Huyện Thanh Quan	75, 79, 80, 81	Bloom, Harold	161
Babbitt, Irving	27	Bodkin, Maud	171
Bachelard, Gaston	18, 32, 33, 89, 169, 171, 172, 176, 177, 178, 195	Booth, Wayne	162
Bakhtin, Mikhail	19, 35, 82, 151, 162, 164	Borev, Ju.	18
Balzac, Honoré de	152, 160, 198	Borges, Jorge Louis	116
Barthes, Roland	18, 28, 144, 149, 151, 152, 160, 162, 164, 312, 391	Bourdieu, Pierre	26, 33, 34, 144, 164, 301, 303, 304, 306, 312, 337, 339, 340, 351, 354, 365, 366, 370
Bateson, Gregory	148	Breton, A.	360
Baudelaire, C.	152, 160, 198, 304, 342, 359, 369	Bronte, Charlotte	165
Baudrillard, Jean	85, 144, 164, 293	Brooks	158
Bayoumi, Moustafa	18, 28, 98, 144, 149, 151, 152, 160, 162, 164, 312	Buffon	71, 79
Bảo Ninh	85	Bùi Cẩm Hồ	206
Beauvoir, Simone de	149, 161	Bùi Công Trường	63
		Bùi Dương Lịch	204, 220
		Bùi Giáng	181, 183, 188, 194, 195
		Bùi Huy Bích	225
		Bùi Kỳ	44

Bùi Sĩ Tiêm	204, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 221, 222, 233, 234, 237	Dobroliubov, A. N.	18
Burke, Edmund	157	Donato, Eugenio	149
Butler, Judith	144, 145, 146, 152, 163, 164	Dosse, FranVois	150, 151
		Dostoievsky, Fyodor	52, 266, 342
		Dryden, John	157
		Dương Tường	380, 390
Cao Bá Quát	187	Đào Duy Anh	56, 84, 252, 253, 254, 268
Cao Việt Dũng	31	Đặng Anh Đào	82, 189, 197
Cao Xuân Hạo	82	Đặng Đình Hưng	92, 348, 390
Carby, Hazel	164	Đặng Minh Khiêm	230
Carter, Angela	143, 165	Đặng Thai Mai	46, 63, 67
Castle, Gregory	141, 142, 143, 144, 145, 147, 148, 149, 151, 152, 154, 155, 156, 157, 163, 165	Đặng Thị Hạnh	82
		Đặng Tiến	21
Cervantes,		Đặng Trần Côn	237
Miguel de Saavedra	116	Đặng Trần Phát	280
Chakrabarty, Dipesh	121, 130	Đình Hùng	50
Chatman, Seymour	162	Đoàn Thị Điểm	237, 238, 240
Chen Yongguo	116	Đỗ Đức Dục	21
Chernysevski, N. G.	18	Đỗ Đức Hiểu	21, 82, 84, 85, 188
Chế Lan Viên	50, 348, 357	Đỗ Lai Thúy	21, 26, 27, 29, 46, 74, 75, 78, 79, 89, 90, 91, 194, 346, 347, 355, 356, 366, 369, 401
Chomsky, Noam	151, 249		
Chu Hy	217, 251	Đỗ Long Vân	21
Chu Văn An	204	Đỗ Nhuận	346
Cixous, Hélène	144, 164	Đỗ Phủ	322
Cohen, Ralph	29	Đồng Trọng Thư	205
Compagnon, Antoine	145, 146, 147, 153, 302, 303, 338		
Comte, Auguste	17, 55, 56, 61	Eagleton, Terry	164
Conrad, Joseph	99, 102, 162, 165	Eco, Umberto	162
Corbusier Le	154	Eikhenbaum	82
Corneille, Pierre	157	Eliot, George	125
Cornell, Drucilla	163	Eliot, T. S.	154, 157
Cusset, Francois	148	Eluard, Paul	353
		Emerson, Ralph Waldo	148
Darwin, C.	123	Empédocle	351
Daudet, Léon	309	Engels, F.	17, 18
Deguy, Michel	150	Even-Zohar, Itamar	351
Deleuze, Gilles	144, 148, 164		
Derrida, Jacques	21, 22, 144, 148, 149, 150, 151, 152, 160, 161, 164	Fanon, Frantz	110, 159, 164
Descartes	105, 146, 294	Fayolle, R.	27
Dilthey, Wilhelm	47	Ferenczi, S.	180
		Fichte	105
		Fish, Stanley	164

Flaubert, Gustave	304, 339, 342, 344, 354, 359	Harada, Yoko	118, 119
Forster, E. M	158	Haraway, Donna	163, 164
Foucault, Michel	35, 109, 111, 113, 117, 125, 144, 148, 151, 161, 164, 247, 248, 312, 249, 250, 267, 294, 295, 312	Hatman, Geoffrey	161
Frazer, James Geoge	170	Hauptmann, Gerhart	172
Freud, Sigmund	17, 18, 22, 35, 83, 87, 88, 89, 90, 158, 171, 172, 173, 248, 267	Hegel, G. F.	18, 24, 105
Fridlender, G.	18	Heidegger, Martin	18, 156
Friedan, Betty	162	Hjeldslev, Louis	73
Frug, Mary Joe	163	Hoài Thanh	20, 22, 23, 28, 29, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 60, 67, 309, 330, 350, 355, 357, 358
Frye, Northrop	32, 33, 34, 169, 171, 178, 179, 199	Hoàng Cầm	75, 90, 91, 92, 342, 346, 347, 348, 364, 370
Fu Dawei	116	Hoàng Đạo	329
Gates, Henry Louis	164	Hoàng Huệ	345
Gefen, Alexandre	146	Hoàng Hưng	393
Genette, Gérard	144, , 151, 162	Hoàng Lương Xá	30, 31
Gibb, H. A. R.	113	Hoàng Ngọc Hiến	31, 68, 70, 267, 383
Gide, A.	266, 309, 359	Hoàng Ngọc Phách	63, 317
Gilbert, Sandra	162, 164	Hoàng Ngọc Tuấn	31
Girard, René	149, 150, 160	Hoàng Tích Chu	322
Goethe,		Hoàng Tích Linh	346
Johann Wolfgang von	125, 198	Hoàng Tố Nguyên	360
Gogol, Nikolai Vasilievich	342	Hoàng Văn Chí	369
Goldmann, L.	18, 30, 105, 106, 107, 108, 303	Hoàng Yến	360
Gramsci, Antonio	113	Hoggart, Richard	159
Greenblatt, Stephen	163, 164	Homère	351
Greer, Germaine	162	Hooks, Bell	145, 149, 152, 164
Grunberg, Carl	158	Horkheimer, Max	158
Guattari, Félix	144, 164	Hồ Biểu Chánh	272
Gubar, Susan	162, 164	Hồ Chí Minh	18, 83
Hà Minh Đức	20, 67	Hồ Phương	370
Hà Nhậm Đại	230	Hồ Sĩ Đống	225
Hà Xuân Trường	65	Hồ Tùng Mậu	349
Habermas, Jurgen	146, 153, 154, 158	Hồ Xanh	63
Hải Thanh	330	Hồ Xuân Hương	54, 56, 75, 79, 80, 81, 82, 84, 87, 88, 89, 90, 169, 181, 183, 188, 190, 192, 193, 194, 195, 254
Hải Triều	46, 62, 63, 330	Huang Dexing	116
Hall, Stuart	160, 164	Hugo, Victor	360
Hàn Mặc Tử	50, 2, 53, 192, 198, 352	Hulme, T. E.	157
		Hume, David	146
		Hurston, Zora Neale	165
		Hutcheon, Linda	164

Huy Cận	48, 183, 348, 358	Lại Nguyên Ân	68, 70
Huy Thông	363	Laing, D. R.	148
Hùng Lĩnh	190	Lan Khai	63, 319, 329
Huỳnh Phan Anh	21	Lanson, G.	45, 56
Huỳnh Thúc Kháng	313, 316, 317, 321, 323, 324	Lauretis, Teresa de	164
Huỳnh Tịnh Của	316	Lê Anh Tuấn	221
Hữu Loan	340	Lê Chí Dũng	306
Hyppolite, Jean	149, 160	Lê Dư	44, 321, 322
		Lê Đạt	92, 342, 346, 348, 349, 353, 358, 359, 360, 362, 364, 365, 371, 372, 390
Imawaza, Noriko	117	Lê Đình Kỳ	20, 67
Ingarden, Roman	162	Lê Hoàng Mưu	254, 255, 257, 258, 259, 260, 269, 270, 271, 272
Irigaray, Luce	164	Lê Hữu Trác	238, 239
Iser, Wolfgang	162, 164	Lê Ngọc Trà	68, 71, 331
		Lê Quý Đôn	205, 206, 207, 213, 218, 219, 221, 225, 226, 229, 239
Jakobson, R.	82, 341	Lê Ta	363
James, Herry	157, 162	Lê Thanh	46, 51, 52
Jang Ji-yeon	123	Lê Thánh Tông	209, 216, 217, 222, 230
Jauss, R. H.	302, 305	Lê Thuộc	44
Jeannelle, Jean-Louis	146	Lê Tràng Kiều	330, 363
Jemeson, Frederic	25, 162, 163, 164	Lê Tuyên	21
Johnson, Barbara	161, 164	Lê Văn Trương	329
Joyce, James	165	Leavis, Frank Raymond	161
Jung, Carl Gustav	32, 33, 75, 89, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 178, 179, 198	Lenin, V.	20, 62
		Levi-Strauss, Claude	150, 152, 160
Kang Sang-jung	122	Lewis, Wyndham	157
Kant, Immanuel	18, 105, 157, 294	Liu Huiyi	116
Karatani, Kojin	119	Longinus	157
Keats, John	143, 165	Lotman, Ju.	19, 82, 396
Khái Hưng	63, 67, 85, 261, 263, 308, 329	Lukacs, Georg	30, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 110, 158, 303
Khổng Tử	240, 217	Lữ Phương	21
Khrapchenko, B. M.	18, 19	Lương Chí Thiệp	63
Khuất Nguyên	322	Lương Thế Vinh	205
Kim Lĩnh	291	Lưu Trọng Lư	308, 363
Kim Thánh Thán	77	Lý Bạch	322
Kristeva, Julia	144, 151, 164	Lý Tử Cầu	206
Kurakichi, Shiratori	122	Lyotard, Jean-Francois	144, 146, 156, 164
Lacan, Jacques	35, 88, 89, 144, 149, 150, 151, 152, 160, 164		
Ladelle, McWhorter	294		

Macé, Marielle	146	Nguyễn Công Hăng	218, 219, 222, 225
Macksey, Richard	149	Nguyễn Công Hoan	63, 67, 289, 309, 315, 317, 329, 330
Magris, Claudio	152, 153	Nguyễn Công Trứ	44, 64, 187, 239, 307
Maiakovsky, V.	358, 363, 364, 367, 370, 382, 383	Nguyễn Danh Thực	218
Mallarmé, Stéphane	304, 385	Nguyễn Du	18, , 56, 57, 58, 59, 67, 76, 77, 84, 87, 187, 188, 274, 307, 324
Malraux, André	153	Nguyễn Đạm	57
Man, Paul de	161, 164	Nguyễn Đăng Mạnh	21, 50, 55, 68, 50, 70, 71, 72
Manet, C.	360	Nguyễn Đăng Điệp	50
Mao Trạch Đông	18	Nguyễn Đình Thi	65, 195, 348, 382
Marcuse, Herbert	158	Nguyễn Đỗ Mục	315
Markov, D.	19	Nguyễn Đôn Phục	323, 324
Marx, Karl	17, 18, 20, 24, 105, 126, 340	Nguyễn Đức Bính	87
Massignon, Louis	113	Nguyễn Đức Đan	21, 67
Mauron, Charles	18, 89	Nguyễn Đức Quỳnh	63
McRobbie, Angela	163	Nguyễn Gia Thiều	183, 238
Melville, Herman	165	Nguyễn Huy Oánh	225
Memmi, Albert	159	Nguyễn Huy Thiệp	85, 169, 181, 183, 185, 186, 188, 191, 192, 293
Menard, Pierre	116	Nguyễn Hưng Quốc	144
Metz, Christian	162	Nguyễn Hữu Hồng Minh	397
Miller, J. Hillis	29, 129, 161, 164	Nguyễn Hữu Tiến	44, 54
Millet, Kate	162	Nguyễn Khánh	57, 58
Mohanty, Chandra T.	163	Nguyễn Khoa Điềm	195
Montaigne, Michel de	41	Nguyễn Khoa Điềm	356
Nam Cao	18, 65, 67, 85, 251, 283, 285, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 319, 344, 367	Nguyễn Khuê	272
Nam Tùng Tử	258, 259, 260	Nguyễn Kim Sơn	35, 36
Ngô Đức Kế	16, 307, 308, 309, 310, 313, 316, 317, 321, 323, 324	Nguyễn Lương Ngọc	66
Ngô Tất Tố	65, 289, 290, 315	Nguyễn Mạnh Tường	60
Ngô Thảo	70	Nguyễn Minh Châu	70, 85
Ngô Thị Nhậm	225, 239, 240	Nguyễn Nễ	57
Ngô Thị Sĩ	209, 221, 213, 214, 215, 216, 217, 222, 234, 235, 238, 239,	Nguyễn Nghiễm	57, 58, 221
Nguyễn Hồng	291, 340	Nguyễn Nhược Pháp	187, 196
Nguyễn Ngọc	71	Nguyễn Thị Thanh Xuân	32, 33
Nguyễn Sa Trần Bích Lan	21	Nguyễn Thị Trung	206
Nguyễn Ân	38	Nguyễn Thiên Tích	206
Nguyễn Bá Học	280, 321	Nguyễn Thiện	57
Nguyễn Bá Tín	53	Nguyễn Thượng Hiền	313, 317
Nguyễn Bình Phương	293	Nguyễn Tông Quai	220, 225, 229, 230, 231, 232
		Nguyễn Trái	226
		Nguyễn Tri Niên	82
		Nguyễn Triệu Luật	323

Nguyễn Trọng Quán	316	Phạm Xuân Nguyên	50
Nguyễn Trọng Thuật	44, 321, 322, 323	Phạm Xuân Thạch	33, 34
Nguyễn Trực	205	Phan Bội Châu	308, 313, 317, 318
Nguyễn Trường Tộ	219	Phan Châu Trinh	313, 317
Nguyễn Tuấn	77, 78, 329, 340, 369	Phan Cự Đệ	20, 22, 66, 67
Nguyễn Tường Tam	317, 323, 324	Phan Huy Chú	204, 239, 220, 225
Nguyễn Văn Hanh	75, 87, 88, 89	Phan Huy Ích	237, 239
Nguyễn Văn Hạnh	67	Phan Kế Bính	44, 315
Nguyễn Văn Ngọc	44	Phan Khôi	45, 48, 307, 311, 315, 316, 317, 318, 321, 322, 323, 326, 328, 373
Nguyễn Văn Trung	18, 21, 22, 82, 88	Phan Ngọc	21, 28, 46, 74, 75, 76, 77, 78, 82, 84, 269
Nguyễn Văn Vĩnh	20, 44, 45, 311, 316, 317, 323	Phan Văn Hùm	63, 330
Nguyễn Văn Xung	21	Phong Lê	67
Nguyễn Vỹ	319, 363	Phùng Khắc Khoan	240
Nguyễn Xuân Sanh	50	Phùng Ngọc Kiên	33, 34
Nhất Linh	63, 67, 85, 261, 263, 273, 274, 275, 277, 278, 280, 308, 329	Phùng Quán	348, 349, 360, 362
Nhị Ca	67	Phùng Văn Từ	21
Như Huy	397	Phương Lựu	67
Nietzsche, Friedrich W.	152, 153, 161	Plato	145, 157
Ninh Tồn	213	Plekhanov, G. V	18, 62
Nishihara, Daisuke	117, 118, 119	Poe, Edgar	177, 341
Nordemann, E.	281	Pope, Alexander	157
Okakura, Tenshin	117	Popper, K.	146
Ôn Như Hầu	367	Pospelop, G.	19
Pankenier, Sara	395, 396	Poulet, Georges	149, 160
Pascal, Blaise	106, 305	Pound, Ezra	157
Pater, Walter	157	Price, David	102
Phạm Duy	190	Propp, V.	82
Phạm Duy Tồn	316	Quang Dũng	357
Phạm Đình Hồ	204, 220, 225, 229, 238, 239	Rabau, Sophie	145
Phạm Nguyễn Du	213, 238	Rabinow, P.	249
Phạm Phú Thứ	19	Racine, Jean	106
Phạm Quỳnh	16, 20, 44, 62, 307, 308, 309, 310, 316, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 324	Radway, Janice	163
Phạm Thế Ngũ	266, 280, 282, 306, 323	Renan, Ernest	113
Phạm Thị Hoài	85, 293, 340, 368, 369, 388	Richards, I. A.	18, 156
Phạm Tú Châu	258	Robbe-Grillet, A.	370
Phạm Văn Hạnh	50	Rô-manh Rô-lăng	309
		Rousseau, Jean-Jacques	146, 305
		Rubin, Andrew	98
		Rushdie, Salman	143, 165
		Ruskin, John	157

Sacy, Silvestre de	113	Thạch Lam	67, 85, 266, 267, 291
Said, Ed.	22, 26, 30, 31, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 148, 163, 164	Thái Can	363
Sainte-Beuve	22, 54	Thanh Lăng	21, 306
Sartre, Jean-Paul C. A.	18	Thanh Thảo	356
Saussure, Ferdinand de	35, 73, 151, 158, 160	Thanh Tịnh	65
Schiller, Johann Christoph F.	157, 198	Thế Lữ	48, 63, 358, 363
Schlegel, A.	74	Thibaudet, A.	316
Schlegel, Freidrich	125	Thiếu Sơn	20, 45, 309, 330
Schoenberg, Arnold	110	Thôi Hộ	76
Sedgwick, Eve Kosofsky	146, 164	Thượng Chi	321
Shakespeare, William	143, 165	Timofeev, L. I.	18, 66
Shelley, Percy B.	161	Tô Hoài	291
Shklovski, Victor B.	82, 351	Tố Hữu	18, 65, 66, 83, 84, 337, 338, 341, 342, 348, 349, 350, 362, 363, 364, 365, 366, 368, 371, 372, 373
Showalter, Elaine	162, 164	Todorov, Tzvetan	28, 144, 149, 150, 160
Sidney, Philip	157	Tolstoi, Lev	198, 309
Simon, C.	360	Tống Ngọc	322
Sĩ Ngọc	344	Trần Dần	34, 35, 92, 169, 181, 183, 184, 185, 192, 337, 338, 339, 341, 342, 345, 346, 347, 348, 349, 352, 353, 354, 355, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 373, 379, 380, 381, 382, 383, 384, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397
Smith, Barbara	149	Trần Danh Ấn	239, 240
Sóng Hồng	361	Trần Đăng Khoa	55
Spinoza, Benedict de	146	Trần Đình Hượu	252, 306, 315
Spivak, Gayatri Chakravorty	161, 163, 164	Trần Đình Sử	21, 46, 74, 83, 84, 362
Stalin, J	62	Trần Huy Liệu	318, 349
tendhal (Beyle, M-H)	360	Trần Huy Liệu	371
Strachey, Lytton	158	Trần Ngọc Hiếu	35
		Trần Ngọc Thềm	252
Tạ Hữu Yên	195	Trần Nguyễn Anh	397
Tadié, Jean-Yves	27, 28, 33	Trần Nguyên Đán	230
Taine, Hyppolyte	22, 56, 57, 64	Trần Tế Xương	189
Tam Ích 21 Tản Đà	45, 48, 82, 181, 187, 189, 198, 254, 308, 309, 310, 311, 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 321, 325, 329, 357	Trần Thanh Mại	20, 46, 51, 52, 53, 54
Tanaka, Stefan	122	Trần Thị Bằng Thanh	234, 235
Tanizaki, Jun'ichiro	118		
Tám Dương	198		
Tây Hồ Ngự Ấn	258		

Trần Thiện Đạo	21	Wang Yugen	116, 123, 130
Trần Trọng Kim	56, 308	Wang Zhihong	116
Trần Văn Toàn	35	Warren, Robert Penn	148, 158
Trương Chính	20, 46, 48, 67	Weber, Max	154
Trương Đăng Dung	21	Wellek, R.	27
Trương Hán Siêu	356	Wicke, Jennifer	164
Trương Minh Ký	316	Wilde, Oscar	157
Trương Tửu	20, 22, 27, 46, 48, 56, 57, 58, 59, 60, 63, 64, 65, 84, 87	Williams, Raymond	107, 108, 159, 164
Trương Vĩnh Ký	44, 316, 323	Wittgenstein, Ludwig	146
Trường Chinh	17, 349, 371	Woolf, Virginia	149, 158, 165
Tuệ Trung	226	Wordsworth, William	157, 161
Từ Chi	189	Xuân Diệu	20, 22, 48, 49, 65, 87, 183, 308, 348, 352, 356, 357, 358, 371
Từ Huy	397	Xuân Sanh	352
Tú Mỡ	51	Xuân Thủy	349
Tú Xương	51, 54	Xuskov, B.	19
Tự Đức	307	Y Ban	293
Tử Phác	346, 363, 364	Yeats, William Butler	165
Tynianov, Yury N.	82, 351	Yukichi, Fukuzawa	119
Ứng Quả	20	Zarathustra	153
Văn Cao	190, 359	Zhang Haopeng	121
Văn Giá	50	Zhang Jingyuan	119
Văn Tâm	68	Zhang Kuan	120
Vân Long	369	Zima, P. V.	303
Vercors	353	Zinoman, Peter	267
Verlaine, Paul	304	Zizek, Slavoj	146, 163, 164
Vessenovsky, Alexander N.	82	Zola, E.	57, 359, 360
Vico, Giambattista	112	Zong In-sob	279
Võ Thị Hào	188, 293	Zweig, Stefan	52
Vũ Bằng	329		
Vũ Dương	205		
Vũ Đình Long	323, 324, 329		
Vũ Đức Phúc	20, 66		
Vũ Hạnh	21		
Vũ Kiệt	205		
Vũ Ngọc Phan	20, 47, 48, 50, 56		
Vũ Phương Đế	238		
Vũ Thạch	226, 228, 229, 230, 238		
Vũ Thạnh	220, 225, 226, 228		
Vũ Trọng Phụng	35, 53, 67, 87, 267, 280, 281, 283, 288, 289		
Vương Trí Nhàn	50, 55		
Wang Ning	121		

PHỤ CHÚ VỀ TÁC GIẢ

ON CONTRIBUTORS

TRẦN ĐÌNH SỬ, Giáo sư Tiến sĩ

Bộ môn Lý luận văn học, Khoa Ngữ văn, Đại học sư phạm I Hà Nội, Đại học Quốc gia.

1961: Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội, Khoa Ngoại ngữ.

1962 – 1966: Tu nghiệp văn học Trung Quốc tại khoa Ngôn ngữ Văn học, Đại học Nam Khai, Thiên Tân, Trung Quốc.

1976 – 1980: Nghiên cứu sinh tại Khoa Ngữ văn Nga, Đại học Tổng hợp Quốc gia Kiep.

Bảo vệ luận án Tiến sĩ tại Viện Văn học Ucraina, Kiep.

1980: Nhận học vị Tiến sĩ.

1987 – 1889: Thực tập sinh tại Đại học Tổng hợp Kiep.

1990: Nhận hàm Phó Giáo sư.

1996: Nhận hàm Giáo sư.

1961: Giảng viên Đại học Sư phạm Hà Nội.

1966 – 1975: Giảng viên bộ môn Lý luận văn học, Đại học Sư phạm Vinh.

1981 đến nay: giảng viên, Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm I Hà Nội, Đại học Quốc gia.

Công trình khoa học chính:

Lý luận văn học (Giáo trình, Chủ biên) Tập 1 và 2. 1986-1987. Hà Nội: Nxb Giáo dục

Lý luận văn học (Chủ biên). 2004. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm

Lý luận văn học (Giáo trình, Chủ biên). Tập 1 và 2. 2004-2005. Hà Nội: Nxb Giáo dục

Từ điển thuật ngữ văn học (đồng Chủ biên). Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia in các năm 1992, 1997, 2000. Hà Nội: Nxb Giáo dục in các năm 2004, 2006 và 2009

Thi pháp thơ Tố Hữu. 1987. Hà Nội: Nxb Tác phẩm mới
Một số vấn đề thi pháp học hiện đại. 1993. Hà Nội: Nxb Giáo dục
Thi pháp văn học trung đại Việt Nam. 1999. Hà Nội: Nxb Giáo dục
Dẫn luận thi pháp học. 1998, 2003, 2006. Hà Nội: Nxb Giáo dục
Thi pháp Truyện Kiều. 2002, 2003, 2005. Hà Nội: Nxb Giáo dục
Tuyển tập Trần Đình Sử. 2 tập. 2004, 2005. Hà Nội: Nxb Giáo dục
...

Và nhiều công trình tác dịch phẩm lý luận từ tiếng Trung và tiếng Nga

Hướng nghiên cứu chính:

Thi pháp học lý thuyết, Thi pháp học lịch sử

HOÀNG LƯƠNG XÁ, Tiến sĩ

Nhà nghiên cứu độc lập tại Hà Nội

ĐỖ LAI THÚY, Phó Giáo sư Tiến sĩ

Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*

1971: Tốt nghiệp khoa tiếng Nga, Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội.

1995: Nhận học vị Tiến sĩ, chuyên ngành Lịch sử (văn hóa nghệ thuật).

2005: Nhận học hàm Phó Giáo sư Văn học.

1981 - 1988: Biên tập viên tạp chí *Etudes Vietnamiennes*, Nhà xuất bản Ngoại văn (nay là Nhà xuất bản Thế giới).

1988 - đến nay: Biên tập viên tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Lĩnh vực nghiên cứu quan tâm:

Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học, đặc biệt là phê bình phân tâm học và phê bình văn học từ văn hóa học.

Công trình khoa học chính:

1. *Con mắt thơ* (Phê bình phong cách Thơ Mới. Chuyên luận). 1992 và 1994, Hà Nội: Nxb Lao động. 1997, Hà Nội: Nxb Giáo dục. 2000, Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin.

2. *Từ cái nhìn văn hóa* (Tiểu luận). 1999. Hà Nội: Nxb Văn hóa dân tộc.

3. *Hồ Xuân Hương hoài niệm phần thực* (Đi tìm thực chất thơ Hồ Xuân Hương. Chuyên luận). 1999. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin. 2009. Hà Nội: Nxb Văn học.

4. *Chân trời có người bay* (Chân dung nghiên cứu). 2002 và 2005. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin.

5. *Văn hóa Việt Nam nhìn từ mẫu người văn hóa* (Chuyên luận). 2005. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin.

6. *Bút pháp của ham muốn* (Phê bình phân tâm học). 2009. Hà Nội: Nxb Tri thức.

7. *Nghệ thuật như là thủ pháp* (Lý thuyết văn chương của trường phái hình thức Nga. Biên soạn). 2000. Hà Nội: Nxb Hội Nhà văn.

8. *Sự đồng danh của phương pháp* (Giới thiệu 15 lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn chương. Biên soạn). 2004. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin.

9. *Theo vết chân những người khổng lồ* (Giới thiệu các lý thuyết văn hóa. Biên soạn). 2006. Hà Nội: Nxb Văn hóa thông tin.

10. *Phân tâm học và văn học nghệ thuật* (Về Phân tâm học. Biên soạn). 2000 và 2005. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin.

11. *Phân tâm học và văn hóa tâm linh* (Về Phân tâm học. Biên soạn). 2000 và 2005. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin.

12. *Phân tâm học và tình yêu* (Về Phân tâm học. Biên soạn). 2003. Hà Nội: Nxb Tri thức.

CAO VIỆT DŨNG, Thạc sĩ

Phòng Văn học So sánh, Viện Văn học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

9.2002-9.2005: sinh viên thuộc “Sélection Internationale”, ban Văn học, École Normale Supérieure de la rue d’Ulm, Paris

6.2004: nhận bằng Licence về Văn học Hiện đại, Sorbonne-Paris IV

6.2005: nhận bằng Maîtrise (Master I) về Văn học Hiện đại, Sorbonne-Paris IV (giáo sư hướng dẫn: Antoine Compagnon)

6.2006: nhận bằng Master II Recherche về Văn học Hiện đại, Sorbonne-Paris IV (giáo sư hướng dẫn: Antoine Compagnon)

2009: Nghiên cứu viên, Viện Văn học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Lĩnh vực nghiên cứu quan tâm:

Lý thuyết văn học, Văn học so sánh, Lịch sử báo chí

Công trình khoa học chính:

1. Albert Thibaudet. *Réflexions sur la littérature*. 2007. Gallimard, collection *Quarto*, (tham gia chú giải cùng nhóm làm việc của giáo sư Antoine Compagnon)

2. “Sáu bài giảng cho thiên kỷ mới” (Italo Calvino). Bản dịch. *Văn học nước ngoài*. Số 1 năm 2007.

3. “Văn học so sánh ở Pháp”. *Nghiên cứu Văn học*. Số 10 năm 2006.

4. *La Théorie en revue. La revue Poétique (1970-2000) et la pensée théorique en études littéraires* (Lý thuyết trên tạp chí/Xem lại lý thuyết. Tạp chí Poétique (1970-2000) và tư tưởng lý thuyết trong nghiên cứu văn học) (Luận văn thạc sĩ - Master II)

NGUYỄN KIM SƠN, Phó Giáo sư Tiến sĩ

Khoa Văn học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1985-1990: Sinh viên hệ đào tạo cử nhân 5 năm, chuyên ngành Hán Nôm, khoa Ngữ văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội.

1991-1995: Nghiên cứu sinh, chuyên ngành Văn học Trung đại Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1995: Nhận bằng Tiến sĩ Văn học.

Tháng 10. 2005: Nhận hàm Phó giáo sư Ngữ văn.

1991 - đến nay: giảng viên chuyên ngành Hán Nôm và Văn học Trung đại Việt Nam, Khoa Văn học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2005 - đến nay: Ủy viên Hội đồng biên soạn Nho tạng châu Á [*Tùng thư Nho học châu Á*], Đại học Bắc Kinh, Trung Quốc.

2006 - đến nay: Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc, thuộc Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2007-2008: Visiting Scholar tại Viện Harvard Yenching, Hoa Kỳ.

2008 & 2009: Giáo sư thỉnh giảng tại Đại học Quốc gia Đài Loan (NTU).

Các hướng nghiên cứu và quan tâm chính:

Nho giáo, nho sĩ, mỹ học và văn học nho gia

Công trình khoa học chính đã công bố gần đây:

1. “Contemporary Confucianism Research in Vietnam: Situations and Directions” [Nghiên cứu Nho giáo ở Việt Nam đương đại, hiện trạng và vấn đề]. *Taiwan Journal of East Asian Studies*. Vol.5. No.2 Dec.2008.

2. “Cội nguồn triết học của tinh thần thiên nhập thế Trần Nhân Tông”. *Khuông Việt*. Số 6. 4. 2009.

3. “Sự đan xen các khuynh hướng thẩm mỹ trong thơ Huyền Quang, nghiên cứu trường hợp 6 bài thơ vịnh cúc”. *Nghiên cứu Văn học*. Số 4. 4.2009.

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN, Phó Giáo sư Tiến sĩ

Bộ môn Lý luận và Phê bình văn học, Khoa Văn học và Ngôn ngữ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

1979: Tốt nghiệp Khoa Ngữ văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội).

1994: Nhận học vị Tiến sĩ tại Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh (nay là Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh).

2004: Nhận hàm Phó Giáo sư, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

1979-2000: nghiên cứu tại Viện Khoa học Xã hội Tp. Hồ Chí Minh (thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia)

2000 - đến nay: giảng dạy tại Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

1999-2001: Giáo sư thỉnh giảng của Ban Việt học, Đại học Paris 7, Cộng hòa Pháp

2008-2009: Giáo sư thỉnh giảng của Khoa Việt Nam học, Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc.

Lĩnh vực nghiên cứu quan tâm:

Các trường phái phê bình văn học, văn học Việt Nam.

Các công trình chính đã công bố:

1. “Chữ quốc ngữ, báo chí, công chúng và văn học Nam Bộ đầu thế kỷ XX” trong *Đồng bằng sông Cửu Long, thực trạng và giải pháp* (Kỷ yếu Hội thảo). 2006. Nxb Đại học Quốc gia Tp. HCM.

2. “Phú Đức - một mẫu hình nhà văn Nam Bộ đặc biệt đầu thế kỷ XX”. *Nghiên cứu Văn học*. 7.2006.

3. “Đi tìm cổ mẫu trong văn học Việt Nam”. *Nghiên cứu Văn học*. 1.2007.

4. “Những mùa văn của Vô Ưu - Ngô Thị Kim Cúc”. *Cahiers d'études vietnamiennes* (Kỷ yếu Việt học của Ban Việt học). Đại học Paris 7, số 19/ 2007.

5. “Bích Khê, con suối xanh lặng lẽ”. *Bình luận văn học* (Niên giám Hội Nghiên cứu và Giảng dạy văn học). 2007. Tp. Hồ Chí Minh.

6. “Thiếu Sơn, nhà văn chính trực” trong *Thiếu Sơn – nghệ thuật và nhân sinh*. 2008. Hà Nội: Nxb Giáo Dục.

7. *Hai mươi lăm năm, một vùng tiểu thuyết* (viết chung). 2001. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.

8. *Thơ, nghiên cứu, lý luận, phê bình* (viết chung). 2003. Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

9. *Văn học so sánh, nghiên cứu và dịch thuật* (viết chung). 2003. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia.

10. *Phê bình văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX*. 2004. Nxb Đại học

Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

11. *Huyền thoại và Văn học* (viết chung). 2007. Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

TRẦN VĂN TOÀN, Thạc sĩ

Bộ môn Văn học Việt Nam hiện đại, Bộ môn Cơ sở văn hóa Việt Nam, Khoa Ngữ văn, Đại học Sư Phạm I Hà Nội, Đại học Quốc gia.

1994: Cử nhân Văn học, Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm I Hà Nội. Khóa luận: “Giọng điệu trong “Người xa lạ” của A. Camus”.

2002: Thạc sĩ Văn học, Khoa Văn học, Đại học Sư phạm I Hà Nội, Đại học Quốc gia. Luận văn: “Tính giao thời trong tiểu thuyết của Tản Đà”.

2004 đến nay: Nghiên cứu sinh, chuyên ngành Văn học Việt Nam, Khoa Văn học, Đại học Sư phạm I Hà Nội, Đại học Quốc gia. Luận án: “Tả thực với hiện đại hóa văn xuôi nghệ thuật quốc ngữ giai đoạn giao thời”.

1994-2000: Giảng viên, Bộ môn Cơ sở Văn hóa Việt Nam, Viện Văn hóa và phát triển, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

2001 - đến nay: Giảng viên, Bộ môn Văn học Việt Nam hiện đại, Bộ môn Cơ sở Văn hóa Việt Nam, Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm I Hà Nội, Đại học Quốc gia.

Lĩnh vực nghiên cứu quan tâm:

Tư tưởng Việt Nam, văn học so sánh, văn học Việt Nam hiện đại và đương đại.

Các công trình khoa học đã công bố:

“Bảo tồn và khai thác tài sản văn hóa - kinh nghiệm từ Nhật Bản” (bút danh Từ Phong). *Văn hóa nghệ thuật*. 1.1998. 10-17.

“Bước đầu tìm hiểu ảnh hưởng của thơ Đường đối với Thơ Mới” (viết chung với Nguyễn Xuân Diện). *Tạp chí Hán Nôm*. 3.1998. 46-53.

“Quan niệm về tả thực trong tiểu thuyết giai đoạn giao thời” - Kỳ yếu Hội thảo “Những nhà nghiên cứu Ngữ văn trẻ” (lần thứ hai), *Tạp chí*

Khoa học. 2004. Đại học Sư phạm I Hà Nội. 112-117.

“Một số vấn đề lý thuyết tiếp nhận từ hoạt động dịch thuật đầu thế kỷ XX”. *Văn học so sánh nghiên cứu và triển vọng* (Trần Đình Sử, Lê Lưu Oanh chủ biên). 2005. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm. 248-262.

Nhà văn Việt Nam hiện đại - những giới hạn và sứ mệnh (suy nghĩ từ những sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp)”. *Văn học Việt Nam sau 1975 những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy* (Nguyễn Văn Long chủ biên). 2006. Hà Nội: Nxb Giáo dục. 131-140.

“Hồ Biểu Chánh và thị hiếu độc giả”. *Văn hóa nghệ thuật*. 2.2008. 87-90& 97.

“Báo chí – nhà báo và tầng lớp trí thức hiện đại”. *Tia Sáng*. 12.2008. 14-15&58.

“Vấn đề tình dục trong văn học Việt Nam từ truyện ngắn Chí Phèo của Nam Cao”. *Tự sự học một số vấn đề lý luận và lịch sử* (Trần Đình Sử chủ biên). Phần 2. 2008. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm. 453-467.

“Tản Đà”. *Văn học Việt Nam thế kỉ XX* (Trần Đăng Suyền và Lê Quang Hưng chủ biên). Tập 1. 2008. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm. 64-92.

“Cảm quan thế giới trong lí luận, phê bình văn học của Phạm Quỳnh và tác động của nó đến tiến trình văn học”. *Nghiên cứu Văn học*. 9.2008. 80-90.

“Cảm quan hiện tại và mô hình không-thời gian trong văn xuôi hư cấu giao thời”. Tham luận Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba. Hà Nội, tháng 12. 2008.

PHÙNG NGỌC KIÊN, Thạc sĩ

Viện Văn học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

1996: Cử nhân Ngữ văn. Đại học Sư phạm I Hà Nội, Đại học Quốc gia.

2001: Thạc sĩ chuyên ngành Văn học phương Tây, khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm I Hà Nội, Đại học Quốc gia.

2006: DEA ngành Văn học so sánh, Đại học tổng hợp Aix-en-Provence, Cộng hòa Pháp.

Hiện là nghiên cứu sinh, Viện Văn học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

2003 – đến nay : nghiên cứu viên Viện Văn học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

Lĩnh vực nghiên cứu quan tâm:

Văn học và văn hóa phương Tây thế kỷ XVII-XIX, vấn đề tiếp nhận và truyền nhập văn học, văn hóa, văn bản học.

Các công trình khoa học đã công bố:

1. “Kiểu thời gian sử thi trong tiểu thuyết “Những người lao động biển cả” của Hugo”. *Tạp chí Văn học*. 6.2002.

2. “Nhịp điệu phi lý và những khoảng lặng trong tiểu thuyết “Bà Bovary”. *Tạp chí nghiên cứu khoa học*, Đại học Sư phạm. 2.2003.

3. “Thời gian suy tư hủy diệt kịch tính trong tiểu thuyết”Bà Bovary”. *Tạp chí nghiên cứu khoa học*. Đại học Sư phạm. 3.2004.

4. “G. Flaubert và tiểu thuyết thế kỷ XX”. *Nghiên cứu Văn học*. 10.2004.

5. “Lịch sử văn học phương Tây qua cái nhìn của E. Auerbach”. *Nghiên cứu Văn học*. 8.2005.

6. “Tiếp nhận tiểu thuyết “Bà Bovary” ở Việt Nam”. *Nghiên cứu Văn học*. 4.2007.

7. “Cấu trúc tự sự trong “Không gia đình”. *Văn học nước ngoài*. Hội nhà văn. 5.2007.

8. *Một vài hoạt động văn học giai đoạn hòa bình lập lại (1954-1958) xét từ lý thuyết “trường” của P.Bourdieu*, Hội thảo quốc tế nghiên cứu liên ngành. Quỹ Ford tài trợ. Viện Văn hóa tổ chức tại Quảng Bình. 7.2007.

9. *Quan niệm văn chương Pháp thế kỷ XX* (đồng dịch giả). 2005. Hà Nội: Nxb Văn học.

10. *Lý luận phê bình văn học nước ngoài thế kỷ XX* (đồng dịch giả và biên tập). 2007. Hà Nội: Nxb Giáo dục.

11. *Bibliographie de Maupassant à l'étranger* (cộng tác viên dự án). 2008.

PHẠM XUÂN THẠCH, Tiến sĩ

Bộ môn Nghệ thuật học, Khoa Văn học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1999-2008: Giảng viên, Bộ môn Văn học hiện đại Việt Nam, Khoa Văn học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2008 - đến nay: Giảng viên, Bộ môn Nghệ thuật học, Khoa Văn học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1996: Cử nhân Văn học, Khoa Ngữ văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Khoa Văn học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội). Khóa luận: “Văn xuôi nghệ thuật trên Đông Dương tạp chí và Nam Phong tạp chí”.

1998: Thạc sĩ Văn học, Khoa Văn học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn: “Sự hình thành hệ thống thể loại văn xuôi nghệ thuật trong văn học Việt Nam giai đoạn giao thời (Trên cứ liệu văn học khu vực Bắc Kỳ)” .

2007: Tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Khoa Văn học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận án: “Sự hình thành hệ thống thể loại tự sự nghệ thuật trong tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX” .

Lĩnh vực nghiên cứu quan tâm:

Lịch sử văn học, xã hội học nghệ thuật, văn học so sánh, văn học Việt Nam hiện đại và đương đại.

Các công trình khoa học đã công bố :

1. “Báo chí và quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam”. *Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 1900 – 1945* (Mã Giang Lân chủ biên). 2000. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin.

2. “Văn học dịch và tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam giai đoạn giao thời” (viết chung với Trần Ngọc Vương). *Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 1900 – 1945*. 2000. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin.

3. “Từ bản dịch “Những kẻ khốn nạn”, bàn về ảnh hưởng của tiểu

thuyết Victor Hugo với người Việt đầu thế kỉ XX”. *Tạp chí Văn học*. 6 (364), 6. 2002.

4. “Sự thẩm thấu của một số mô hình tiểu thuyết phương Tây vào thực tế văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX”. *Tạp chí Nhà văn*, 7.2002.

5. “Quá trình cách tân và những giới hạn trong sự nghiệp sáng tác văn xuôi của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu”. *Nghiên cứu Văn học*. 9 (391), 9. 2004.

6. “Giáo dục Pháp Việt – Nhân tố then chốt trong quá trình hiện đại hóa văn học tại Việt Nam”. Tham luận Hội thảo quốc tế *Văn học Việt Nam trong bối cảnh giao lưu văn hóa khu vực và quốc tế*. Viện Văn học và Havard-Yenching Institute đồng tổ chức tại Hà Nội, 2006. Nguồn: <http://www.vienvanhoc.org.vn/reader/?id=88&menu=107>.

7. “Sự thẩm thấu của một số mô hình tiểu thuyết phương Tây vào thực tế văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX”. *Tạp chí Nhà văn*, 7.2002.

8. “Cá nhân hóa hư cấu – tự sự đương đại Việt Nam về đề tài lịch sử giữa truyền thống và hiện đại”. Tham luận *Hội thảo Việt Nam học lần thứ II*, tổ chức tại Tp. Hồ Chí Minh, 2004.

9. “Đông Kinh nghĩa thực, *Đăng Cổ tùng báo* và Nguyễn Văn Vĩnh – sự khởi đầu của một hành trình trí thức” [“*Dong Kinh nghĩa thực, Dang Co tung bao* et Nguyen Van Vinh – Le début d’un cheminement intellectuel”]. Bài viết tiếng Pháp về giai đoạn tham gia Đông Kinh nghĩa thực của Nguyễn Văn Vĩnh. Tham luận Hội thảo khoa học *Việt Nam – một khoảnh khắc trong tiến trình hiện đại hóa (1905 – 1908)* [*Viet Nam, le moment moderniste (1905 – 1908)*] kỷ niệm 100 năm Đông kinh nghĩa thực do trường Đại học Aix Marseille và CNRS đồng tổ chức tại Aix en Provence, Pháp, 2007.

10. “Nghệ thuật – giữa định kiến và sáng tạo (về hiện tượng một số tác phẩm nghệ thuật bị cấm ở Việt Nam)”. Tham luận Hội thảo *Tiếp cận văn hóa xã hội Việt Nam từ những lý thuyết mới*, Ford Foundation và Viện nghiên cứu Văn hóa đồng tổ chức tại Quảng Bình, 2007.

TRẦN NGỌC HIẾU, Thạc sĩ

Bộ môn Lý luận văn học, Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm I Hà Nội, Đại học Quốc gia.

2001: Cử nhân khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm I Hà Nội, Đại học Quốc gia. Khóa luận : *Cái nhìn nghệ thuật trong thơ Văn Cao*, chuyên ngành Lý luận văn học.

2003: Thạc sĩ khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm I Hà Nội, Đại học Quốc gia. Luận văn : *Những tìm tòi thể nghiệm cách tân hình thức trong thơ Việt Nam thời kỳ đổi mới*, chuyên ngành Lý luận văn học.

2001 – đến nay : Giảng viên Bộ môn Lý luận văn học, Khoa Ngữ văn, Đại học Sư phạm I, Đại học Quốc gia.

Lĩnh vực nghiên cứu quan tâm:

Lý thuyết văn học, Văn học Việt Nam

Các công trình khoa học đã công bố:

1 “Chủ nghĩa hiện đại và hậu hiện đại với thơ Việt Nam đương đại” in trong *Văn học so sánh - Những vấn đề nghiên cứu và triển vọng* (Trần Đình Sử chủ biên). 2004. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm.

2 “Tìm hiểu một quan niệm về ngôn từ trong thơ Việt Nam đương đại” in trong *Văn học Việt Nam sau 1975 - Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy* (Nguyễn Văn Long chủ biên). 2005. Hà Nội: Nxb Giáo dục.

3 “Giới thiệu lý thuyết tự sự học của Hayden White”, trong *Tự sự học* (Trần Đình Sử chủ biên). Tập 2. 2008. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm.

Ngoài ra còn tham gia dịch tác phẩm văn học và giới thiệu lý thuyết văn học đăng trên Tạp chí *Văn học nước ngoài*, Hội Nhà văn, với bút danh Hải Ngọc.

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

46 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, Việt Nam

Tel: 0084.4.38253841 - Fax: 0084.4.38269578

Email: thegioi@hn.vnn.vn

Website: www.thegioipublishers.com.vn

NGHIÊN CỨU VĂN HỌC VIỆT NAM NHỮNG KHẢ NĂNG VÀ THÁCH THỨC

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRẦN ĐOÀN LÂM

Bìa

Nguyễn Trung Dũng

Trình bày

Nguyễn Chí Hiếu

In 1000 bản khổ 16 x24 cm, tại Trung tâm Chế bản và In - Nhà xuất bản Thế Giới. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số: 1008 - 2099/CXB/4 - 183/ThG, cấp ngày 04 tháng 11 năm 2009. In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2009.